

Bản án số: **36/2020/KDTM-PT**
Ngày 11/5/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay vốn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 163/2019/TLPT-KDTM ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay vốn*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 23/08/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội kháng nghị và nguyên đơn Công ty I kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2020/QĐ-PT ngày 03/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 92/2020/QĐ-PT ngày 17/3/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 200/2020/TB-TA ngày 06/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty I

Địa chỉ: số A đường C, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà NM– Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông HT, Ông DĐ, Ông ĐT. Địa chỉ: Công ty Luật IC, ngõ L, phường N, quận X, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 1 năm 2018); ông HT và ông ĐT có mặt, ông DĐ vắng mặt

- Bị đơn: Công ty H

Địa chỉ: Số L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông BT– Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông DN– Giám đốc Công ty H chi nhánh Q. Địa chỉ: Số L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền số 478/UQ-GĐ ngày 08/08/2018); ông N có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty I và Công ty H có quan hệ hợp tác kinh doanh.

*Ngày 26/1/2015, hai bên đã ký Khế ước vay tiền, theo đó Công ty H vay Công ty I 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), mục đích vay phục vụ cho nhu cầu kinh doanh, hình thức nhận tiền là tiền mặt, thời hạn vay là 20 ngày kể từ 26/1/2015.

Ngày 27/1/2015, Công ty I đã ký phiếu chi tiền mặt cho Công ty H chi nhánh Q.

* Ngày 07/07/2015, Công ty I và Công ty H chi nhánh Q tiếp tục ký Hợp đồng vay vốn số 0107/2015/HĐVV. Nội dung hợp đồng: Công ty H chi nhánh Q vay Công ty I 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) với thời hạn 02 tháng, ngày trả nợ là ngày 07/10/2015, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh ngắn hạn, lãi phạt quá hạn là 3%/tháng.

Ngày 07/7/2015, Công ty I chi tiền mặt cho Công ty H chi nhánh Q.

* Sau ngày 07/10/2015 cho đến nay Công ty H chi nhánh Q không thực hiện đúng thỏa thuận về việc vay tiền, Công ty I đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán khoản nợ.

Nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty H thanh toán số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng);

Thanh toán lãi cho Công ty I do chậm trả tiền tạm tính đến ngày 30/5/2019 là 524.449.315 đồng. Cụ thể:

+ Lãi nợ quá hạn số tiền 500.000.000 đồng của khế ước vay tiền ngày 26/1/2015 được tính kể từ ngày 15/02/2015 đến ngày 01/1/2017 là: $500.000.000 \text{ đ} \times 685 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} \times 9\% = 84.452.055 \text{ đồng}$.

+Lãi nợ số tiền 400.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 07/7/2015 được tính kể từ ngày 08/10/2015, lãi suất 9%/năm: $400.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 451 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} \times 150\% = 66.723.288 \text{ đồng}$

+Lãi suất từ 01/01/2017 đến 30/5/2019 theo Bộ Luật Dân sự 2015:
 $500.000.000 \text{ đ} \times 879 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} \times 10\% \times 150\% = 180.616.438 \text{ đồng}$.
 $400.000.000 \text{ đồng} \times 879 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} \times 20\% = 192.657.534 \text{ đồng}$

Về số lãi buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn, Công ty I đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mới tạm tính đến ngày 31/1/2018 là ngày nguyên đơn nộp hồ sơ xem xét yêu cầu khởi kiện và tiếp tục tạm tính đến ngày 30/5/2019 là ngày lần đầu tiên Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày và có yêu cầu phản tố như sau:

Từ cuối năm 2014, Công ty H chi nhánh Q với Công ty I là đối tác của nhau. Công ty H chi nhánh Q nhập khẩu mặt hàng máy tính M các loại về bán cho Công ty I theo các hợp đồng kinh tế 2 bên ký kết, tuy nhiên trong quá trình thực hiện có một lô hàng bị công an kinh tế Hà Nội bắt giữ tại kho của Công ty I địa chỉ tại phố B, Hà Nội, lô hàng này phải nộp bổ sung ngân sách nhà nước 741.344.512 đồng (không thuộc trách nhiệm của Công ty H chi nhánh Q). Tuy nhiên, trong quá trình làm việc với cơ quan công an, Công ty H chi nhánh Q đã hết sức trách nhiệm phối hợp cùng Công ty I để giải quyết vấn đề trên. Trong quá trình làm việc, do xác định là đối tác lâu dài nên Công ty H chi nhánh Q có đồng ý hỗ trợ 50% chi phí phát sinh của lô hàng trên với số tiền 400.000.000 đồng cho công ty I với điều kiện sẽ hoàn trả từ lợi nhuận của những lô hàng tiếp theo (số tiền này được thể hiện bằng hợp đồng vay vốn số: 0107/201/HDVV ngày 07/07/2015 giữa Công ty I với Công ty H chi nhánh Q, trên thực tế số tiền này được Công ty I bỏ ra toàn bộ để Công ty H chi nhánh Q nộp vào ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày

08/07/2015 số tiền 741.344.512 đồng), sau đó vì lý do khách quan Công ty H chi nhánh Q và Công ty I không phát sinh hợp đồng hợp tác nữa. Vậy đối với hợp đồng vay vốn số: 0107/201/HDVV ngày 07/07/2015 đề nghị mong quý Tòa xem xét đúng bản chất vấn đề.

Ngoài ra, đối với khế ước vay tiền giữa Công ty H chi nhánh Q với Công ty I ngày 26/01/2015, Công ty H chi nhánh Q xác định đây là khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, các giao dịch phát sinh Hợp đồng giữa Công ty H chi nhánh Q với Công ty I trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay chưa được kế toán 2 bên đối chiếu chốt số liệu các khoản công nợ, (hàng hóa Công ty H chi nhánh Q giao cho Công ty I có ký nhận của nhân viên Công ty I, số tiền thanh toán cho các hợp đồng kinh tế cũng chưa được đối chiếu quyết toán).

Căn cứ theo hợp đồng thì Công ty I còn nợ Công ty H chi nhánh Q số tiền 254.305.000VNĐ (Hai trăm năm mươi tư triệu, ba trăm linh năm nghìn đồng chẵn) trên tổng giá trị phải trả là 1.491.485.000VNĐ (Một tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn). Số tiền 254.305.000VNĐ mà Công ty I còn nợ Công ty H chi nhánh Q được thể hiện tại các hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) số: 0000551 ngày 31/07/2015; 0000563 ngày 12/08/2015, 0000566 ngày 13/08/2015, 0000697 ngày 20/11/2015 và 0000813 ngày 14/01/2016 mà Công ty H chi nhánh Q xuất bán cho Công ty I.

Công ty H chi nhánh Q đã nhiều lần yêu cầu Công ty I thực hiện việc thanh toán số tiền trên song đến nay vẫn chưa có kết quả. Vậy để đảm bảo quyền lợi, và căn cứ theo quy định của pháp luật Công ty H chính thức khởi kiện Công ty I đề nghị Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn - Công ty I thanh toán số tiền còn nợ trong quá trình hợp tác kinh doanh là: 254.305.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tư triệu, ba trăm linh năm nghìn đồng) cho Công ty H.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn có ý kiến như sau:

Tại Đơn phản tố đề ngày 30/10/2018, Công ty H cho rằng, căn cứ vào các hợp đồng kinh tế này, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty I còn nợ Công ty H 254.305.000 đồng trên tổng giá trị phải trả là 1.491.485.000 đồng. Công ty I hoàn toàn bất ngờ và không hiểu các con số này được Công ty H tính toán và nêu ra dựa trên cơ sở gì. Sau khi rà soát lại với bộ phận kế toán và văn thư, chúng tôi khẳng định Công ty I không nhận được bất kỳ thông báo hay yêu cầu nào liên quan đến khoản nợ trên. Cho tới thời điểm này chỉ có Công ty H nợ Công ty I số nợ gốc 900.000.000 đồng mà Công ty I đã khởi kiện.

Theo các hồ sơ tài liệu mà Công ty H đã cung cấp tại Tòa án nhân dân quận H, Công ty I cho rằng toàn bộ các giao dịch này đã được thực hiện và các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình vào năm 2015.

Ngoài ra, Công ty I giả sử rằng (mặc dù giả sử này là không có thật), cho dù Công ty I còn nợ Công ty H số tiền như đã nêu trên theo các hợp đồng đã kết thúc vào năm 2015 như trình bày của Công ty H tại Đơn phản tố, thì thời hiệu khởi kiện liên quan đến các yêu cầu này của phía Công ty H đã hết.

Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 150, Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu phản tố tại Đơn phản tố của Công ty H là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vậy, Công ty I đề nghị Quý Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty H với hai căn cứ, thứ nhất do đã hết thời hiệu khởi kiện, thứ hai không có căn cứ về việc nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền như bị đơn đã có yêu cầu phản tố.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 23/08/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 190; Điều 203; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 123, 131, 429, 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

- Luật kế toán năm 2015;

- Điều 6, 26, 44 và 82 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty I đối với Công ty H;

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn- Công ty H đối với Công ty I;

3. Án phí:

3.1. Công ty I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.733.479 (Năm mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng) đồng được trừ vào 24.280.000 đồng tạm ứng án phí Công ty I đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0002359 ngày 06/6/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận H;

3.2. Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.715.250 (Mười hai triệu, bảy trăm mười năm nghìn, hai trăm năm mươi đồng) đồng được trừ vào 6.358.000 đồng tạm ứng án phí Công ty H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0002735 ngày 06/12/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận H;

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Không đồng ý với bản án sơ thẩm, **Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội kháng nghị** Bản án kinh doanh thương mại số 17/2019/KDTM-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội với lý do: Các hợp đồng cho vay, thanh toán bằng tiền mặt là vi phạm Điều 3, 4 Thông tư 09 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 222/CP ngày 31/12/2013 quy định: “Các doanh nghiệp không sử dụng tiền mặt (tiền giấy, tiền kim loại do ngân hàng Nhà nước phát hành) để thanh toán khi thực hiện các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác”. Hành vi cho vay giữa hai công ty đã vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị định số 96/CP của Chính phủ ngày 17/10/2014. Nên căn cứ Điều 122; Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay vốn và khế ước vay tiền là vô hiệu.

Nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu thì Tòa án phải tuyên bố hợp đồng vay vốn số 0107/2015 và khế ước vay tiền ngày 26/01/2015 là vô hiệu, tức là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; không chấp nhận đơn phản tố của bị đơn thì mới đúng quy định của pháp luật và đúng với hướng dẫn giải đáp số 01 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, nên đề nghị sửa án sơ thẩm theo nhận định trên.

-Không đồng ý với bản án sơ thẩm, **nguyên đơn là Công ty I kháng cáo** một phần bản án kinh doanh thương mại số 17/2019/KDTM-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với những lý do sau:

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về giao dịch cho vay vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật căn cứ vào Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015 là không có cơ sở.

Về vấn đề hạch toán khoản hỗ trợ tài chính: Công ty I đã thực hiện việc hỗ trợ tài chính (900.000.000 đồng) cho Công ty H chi nhánh Q bằng Hợp đồng vay vốn và Khế ước vay tiền. Số tiền 900.000.000 đồng này Công ty I trích từ nguồn tiền mặt lưu động của công ty. Căn cứ điểm b khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì số tiền cho vay không thuộc trường hợp phải nộp thuế giá trị gia tăng.

Hội đồng xét xử sơ thẩm vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tại phần tranh luận, nguyên đơn đã xin phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết hậu quả của hợp đồng vay và khế ước vay vô hiệu trong trường hợp Hội đồng xét xử cho rằng hợp đồng vay và khế ước vay vô hiệu. Tuy nhiên, ý kiến này của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, nhưng đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

Công ty H xác nhận nợ Công ty I 900.000.000 đồng và thanh toán như sau :

Về thời gian thanh toán:

Ngày 15/6/2020, Công ty H thanh toán cho Công ty I **150.000.000** đồng

Ngày 15/7/2020, Công ty H thanh toán cho Công ty I **300.000.000** đồng

Ngày 30/8/2020, Công ty H thanh toán cho Công ty I **450.000.000** đồng

Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản

-Về án phí, Công ty H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

-Ngoài ra, Công ty H và Công ty I không có thỏa thuận, yêu cầu và đề nghị gì khác

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án theo hướng kháng nghị của

Viện kiểm sát, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về tố tụng:

- Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội được gửi cho Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Đơn kháng cáo của Công ty I được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty I và Công ty H phát sinh từ khế ước vay tiền và hợp đồng vay vốn là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty H có trụ sở tại Số L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã hòa giải và thống nhất về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Xét sự tự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận, yêu cầu và đề nghị gì khác

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 128; Điều 137; Điều 410 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Điều 357; Điều 429; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công ty H phải thanh toán cho Công ty I số tiền là 900.000.000 đồng.

Về thời gian thanh toán:

Ngày 15/6/2020, Công ty H trả cho Công ty I **150.000.000** đồng

Ngày 15/7/2020, Công ty H trả tiếp cho Công ty I **300.000.000** đồng

Ngày 30/8/2020, Công ty H trả nốt cho Công ty I **450.000.000** đồng

Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ngoài ra, Công ty H và Công ty I không có yêu cầu và đề nghị gì khác, nên Tòa không xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho Công ty I 24.280.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo biên lai số 2359 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Công ty H phải chịu 39.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ 6.358.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo biên lai số 2735 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp tiếp 32.642.000 đồng

5. Về án phí phúc thẩm: Công ty I phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số 3257 ngày 18/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận H, tp Hà Nội;
- TAND quận H, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn